TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H1M THUẬN BẮC** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 13/4/2022
V/v: "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con, chia nợ chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H1M THUẬN BẮC, TỈNH BÌNH THUẬN

- TH1nh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông H1 Văn Hơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Sơn
2. Ông Đặng Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H1 - Thư ký Toà án nhân dân huyện H1m Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H1m Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sáu - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H1m Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 341/2021/TLST-HNGĐ ngày 19/10/2021 về việc: "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung và chia nợ chung"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/02/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14/3/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phan Văn T, Sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Chị Nông Thị Q, Sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân H1ng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam

Địa chỉ: 02 L, phường L, quận B, tH1nh phố H1 Nội

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Bạch Yến- Chức vụ: Giám đốc Agribank - Chi nhánh huyện H1m Thuận Bắc

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Bùi Thị Thu H1 – Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh Ngân H1ng Agribank - Chi nhánh huyện H1m Thuận Bắc.

Các đương sự có mặt tại phiên toà: Anh Phan Văn T và bà Bùi Thị Thu H1, vắng mặt chị Nông Thị Q .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 10 năm 2021, cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phan Văn T trình bày: Anh và chị Nông Thị Q tự

nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau chung sống với nhau từ năm 2012, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1m Trí, huyện H1m Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận ngày 07/5/2013, theo giấy chứng nhận kết hôn số 46/2013 của UBND xã H1m Trí, huyện H1m Thuận Bắc. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì bắt đầu xảy ra mÂ thuẫn, nguyên nhân xãy ra mÂ thuẫn là do hai vợ chồng không cùng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, chị Q có mối quan hệ ngoài luồng, anh khuyên ngăn chị Q nhiều lần nhưng không được nên hai vợ chồng thường xuyên cải vã, cuộc sống hôn nhân luôn căng thẳng nặng nề. Tháng 6/2021, chị Q bỏ chồng con ra ở trọ cùng với người đàn ông khác, không chăm lo gì đến chồng con, anh có tìm chị Q khuyên quay về nhưng chị Q không về, từ đó hai vợ chồng ly thân cho tới nay. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Phan Thị Ngọc D1, sinh ngày 24/5/2013 và Phan Khả Â, sinh ngày 04/9/2019. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyên đơn anh Phan Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Anh Phan Văn T yêu cầu giải quyết ly hôn với chị Nông Thị Q

- Về con chung: Sau khi ly hôn, anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung tên Phan Thị Ngọc D1, sinh ngày 24/5/2013 và Phan Khả Â, sinh ngày 04/9/2019. Anh T không yêu cầu chị Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Năm 2019 hai vợ vợ chồng vay tín chấp của ngân H1ng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện H1m Thuận Bắc số tiền 50.000.000 đồng tiền gốc, mục đích vay để chăn nuôi bò nhưng do nuôi thua lỗ nên chưa trả được. Tới nay chưa trả gốc và lãi, anh yêu cầu chia đôi khoản nợ mỗi người trả một nữa.

***/** Bà Bùi Thị Thu H1 là đại diện của Ngân H1ng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam trình bày: 11/9/2019 vợ chồng anh T chị Q có thỏa thuận ký hợp đồng tín dụng số 4810-LAV201907626 vay của ngân H1ng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh H1m Thuận Bắc số tiền 50.000.000 đồng(vay tín chấp), thời hạn vay 12 tháng, lãi suất trong hạn 9,5%/ năm, lãi quá hạn 14,25%/năm. Mục đích vay để chăn nuôi bò. Trong trình vay vợ chồng anh T chị Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và trả lãi. Nay đã đến hạn trả nợ, bà yêu cầu anh T và chị Q trả cho ngân H1ng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn 4.763.014 đồng, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 13/4/2022 là 10.970.548 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng kể từ ngày 14/4/2022 cho tới khi trả nợ xong nợ gốc. Cụ thể chia đôi khoản nợ gốc và lãi mỗi người trả một nữa.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã ra thông báo về phiên hòa giải và tiến H1nh niêm yết hợp lệ cho bị đơn nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Theo Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc trường hợp không tiến H1nh hòa giải được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Anh Phan Văn T được ly hôn với chị Nông Thị Q; Về con chung: Giao hai con chung tên Phan Thị Ngọc D1, sinh ngày 24/5/2013 và Phan Khả Â, sinh ngày 04/9/2019 cho ah Phan Văn T trược tiếp nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu chị Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Anh Phan Văn T và chị Nông Thị Q phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ số tiền 65.733.562 đồng cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam(trong đó nợ gốc 50.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 4.763.014 đồng tiền lãi quá hạn tính đến hết ngày 13/4/2022 là 10.970.548 đồng. Phân chia theo phần, anh Phan Văn T và chị Nông Thị Q mỗi người phải trả số tiền 32.866.781đồng cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Phan Văn T có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con, chia nợ chung với bị đơn chị Nông Thị Q. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con, chia nợ chung. Bị đơn chị Nông Thị Q có địa chỉ tại Thôn P, xã H, huyện H, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H1m Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn chị Nông Thị Q tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa. Bởi lẽ, chị Q đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng: "Thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa" theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn cố tình vắng mặt, chứng tỏ chị Q tự từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến H1nh xét xử vắng mặt đối với chị Q.

[3] Về nội dung:

[3.a] Về hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh T và chị Q tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1m Trí, huyện H1m Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận ngày 07/5/2013, theo giấy chứng nhận kết hôn số 46/2013 của UBND xã H1m Trí, huyện H1m Thuận Bắc nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống, do tính cách không hợp nhau, chị Q có mối quan hệ ngoài luồng, bỏ mặc chồng con, không chăm sóc chồng con nên vợ chồng thường xuyên cải vã qua lại, mÂ thuẫn xãy ra liên tục trong thời gian dài, cuộc sống luôn căng thẳng nặng nề. Từ tháng 8/2021 chị Q đã bỏ nH1 ra ở riêng, từ đó đến nay, vợ chồng không còn chung sống với nhau, không quan tâm gì đến nhau. Từ khi ly thân đến nay, anh T và chị Q không ai quan tâm tới ai, mạnh ai nấy sống, không còn tha thiết gì với hôn nhân của mình. Quá trình giải quyết vụ án, chị Q cố tình lẫn tránh, không hợp tác, không có thiện

chí để H1n gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, anh T kiên quyết ly hôn, điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã mÂ thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc anh T xin ly hôn với chị Q là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.b] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Phan Thị Ngọc D1, sinh ngày 24/5/2013 và Phan Khả Â, sinh ngày 04/9/2019. Tại phiên tòa anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung. Xét từ khi vợ chồng ly thân đến nay thì hai con chung đang ở với anh T, do anh T trực tiếp chăm xóc nuôi dưỡng. Tại bản khai của cháu D1 muốn được ở với anh T khi cha mẹ ly hôn và để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung nên giao hai con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con anh T không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con chung cho anh nên không xét.

Chị Q có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3.c] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.d] Về nợ chung: Quá trình chung sống, ngày 11/9/2019 vợ chồng có thỏa thuận ký hợp đồng tín dụng số 4810-LAV- 201907626 ngày 11/9/2019 vay của ngân H1ng nông nghiệp và phát triển nông thôn Viết Nam- Chi nhánh H1m Thuận Bắc số tiền 50.000.000 đồng(vay tín chấp), thời hạn vay 12 tháng, lãi suất trong hạn 9,5%/ năm, lãi quá hạn 14,25%/năm. Mục đích vay để chăn nuôi bò. Trong trình vay vợ chồng anh T, chị Q chưa trả được đồng tiền gốc và lãi nào cho ngân H1ng. Xét anh T chị Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nay đã đến hạn trả nợ. Xét tại thời điểm vay, anh T và chị Q là vợ chồng, cùng thỏa thuận xác lập hợp đồng vay tài sản với ngân H1ng, nên xác định đây là nợ chung của anh T và chị Q. Căn cứ quy định tại Điều 27, Điều 37, khoản 1 Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 288, Điều 290 Bộ luật dân sự thì anh T và chị Q phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho ngân H1ng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, phân chia theo phần mỗi người phải trả ½ số tiền nợ. Tính đến ngày 13/4/82022, tổng số tiền anh T và chị Q còn nợ ngân H1ng là 65.733.562 đồng, trong đó tiền gốc 50.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 4.763.014 đồng, tiền lãi quá hạn 10.970.548 đồng. Anh T và chị Q mỗi người phải trả 32.866.781 đồng cho ngân H1ng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Kể từ ngày 14/4/2022, anh T và chị Q mỗi người phải trả ½ của số tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc cho đến khi thanh toán hết nợ gốc theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng mức tín dụng số 4810-LAV-201907626 ngày 11/9/2019.

[3] Về án phí: Anh Phan Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần nghĩa vụ trả nợ, Chị Nông Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điểm a,e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288, Điều 290, Điều 463, Điều 466, Điều 467 Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 37, khoản 1 Điều 60 , Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;điểm a,e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án**.** Điều 26 Luật Thi H1nh án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phan Văn T

- Về hôn nhân: Anh Phan Văn T được ly hôn với chị Nông Thị Q

- Về con chung: Giao hai con chung tên Phan Thị Ngọc D1, sinh ngày 24/5/2013 và Phan Khả Â, sinh ngày 04/9/2019 cho ah Phan Văn T trược tiếp nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu chị Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh.

Chị Nông Thị Q có quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về nợ chung: Anh Phan Văn T và chị Nông Thị Q phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ số tiền 65.733.562 đồng cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam(trong đó nợ gốc 50.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 4.763.014 đồng tiền lãi quá hạn tính đến hết ngày 13/4/2022 là 10.970.548 đồng. Phân chia theo phần, anh Phan Văn T và chị Nông Thị Q mỗi người phải trả số tiền 32.866.781đồng cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Kể từ ngày 14/4/2022, anh T và chị Q mỗi người phải trả ½ của số tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc cho đến khi thanh toán hết nợ gốc theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng mức tín dụng số 4810-LAV-201907626 ngày 11/9/2019.

2. Về án phí:

Anh Phan Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 1.643.000 đồng án thì dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001922 ngày 19/10/2021 của Chi cục Thi H1nh án dân sự huyện H1m Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Anh Phan Văn T còn phải nộp 1.643.000 đồng. Chị Nông Thị Q phải chịu 1.643.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/4/2022). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi H1nh theo qui định tại Điều 2 Luật thi H1nh án dân sự thì người được thi H1nh án dân sự, người phải thi H1nh án dân sự có quyền thỏa thuận thi H1nh án, quyền yêu cầu thi H1nh án, tự nguyện thi H1nh án hoặc bị cưỡng chế thi

H1nh án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi H1nh án dân sự; thời hiệu thi H1nh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi H1nh án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Thuận;
-VKSND huyện H1m Thuận Bắc;
-Chi cục THADS huyện H1m Thuận Bắc;
-Các đương sự;
-UBND(Nơi đăng ký kết hôn);
-Lưu: VT, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

H1 Văn Hơn